

臺北城市科技大學

新南向國際學生產學合作專班

校外實習說明會

Hướng Dẫn Thực Tập Ngoài Trường

1. 什麼是校外實習？為什麼要參加？

透過校外實習可以協助學生將理論與實務做結合，同時增加畢業就業機會，整體而言對學生可以提升就業競爭力。

Thế nào là thực tập ngoài trường, tại sao phải tham gia thực tập ngoài trường?

Thông qua môn học giúp sinh viên học được kiến thức thực tế và lý thuyết, đồng thời tăng khả năng tìm được việc sau khi ra trường, giúp sinh viên tăng cường khả năng cạnh tranh khi tốt nghiệp và sử dụng các kiến thức đã học ở trường để áp dụng vào thực tế và rèn luyện khả năng giao tiếp với khách hàng.



2. 校外實習與打工有何不同？ Thực tập và làm thêm có gì khác nhau?

校外實習 (Thực tập)

為學校正式課程之一。針對職涯發展安排實習，有業界導師參與指導。幫助學生結合理論與實務，提升就業競爭力。

Chủ yếu giúp sinh viên có kiến thức thực tiễn, làm tăng thêm tính cạnh tranh của bản thân. Việc thực tập được sắp xếp và hỗ trợ bởi công ty và giáo viên phụ đạo ngoài trường hướng dẫn.

打工 (Làm thêm)

適用「勞動基準法」從事工讀。有薪資、工時限制及勞保。與正式學校課程性質不同。

Làm thêm là thực hiện bởi luật lao động, thực hiện theo các điều khoản do bộ lao động trực tiếp quản lý, sẽ phải có hợp đồng làm thêm, đóng các loại bảo hiểm lao động.

3-1. 校外實習學分 Số học phần thực tập

餐飲事業系 KHOA NHÀ HÀNG
觀光事業系 KHOA DU LỊCH

 新南向專班從大二起推動校外實習 Môn thực tập bắt đầu từ năm 2

大二 (Năm 2)	大三 (Năm 3)	大四 (Năm 4)
上學期 (Kì1)/選修	上學期 (Kì1)/選修	上學期 (Kì1)/必修
5 學分 (5 Học phần)	5 學分 (5 Học phần)	6 學分 (6 Học phần)
下學期 (Kì2)/選修	下學期 (Kì2)/選修	下學期 (Kì2)/必修
5 學分 (5 Học phần)	5 學分 (5 Học phần)	6 學分 (6 Học phần)

3-2. 校外實習學分 Số học phần thực tập

時尚系 KHOA LÀM ĐẸP

電通系 KHOA KỸ THUẬT MÁY TÍNH & TRUYỀN THÔNG

🔊 新南向專班從大二起推動校外實習 Môn thực tập bắt đầu từ năm 2

大二 (Năm 2)	大三 (Năm 3)	大四 (Năm 4)
上學期 (Kì 1)/必修 6 學分 (6 Học phần)	上學期 (Kì 1)/必修 6 學分 (6 Học phần)	上學期 (Kì 1)/選修 66 學分 (6 Học phần)
下學期 (Kì 2)/必修 6 學分 (6 Học phần)	下學期 (Kì 2)/選修 6 學分 (6 Học phần)	下學期 (Kì 2)/選修 6 學分 (6 Học phần)

4. 校外實習學分 – 學時 – 實習時間

1

學分 (Học phần)
= 72 學時 (tiếng)

5

學分 (Học phần)
= 360 學時 (tiếng)

6

學分 (Học phần)
= 432 學時 (tiếng)



實習時間：18週，校外實習是正式課程所以實習時間跟上課時間同時進行。

Thời gian thực tập: 18 tuần, Thực tập là môn học chính thức vậy nên thời gian thực tập cũng sẽ giống như thời gian đi học.



週一至週五 08:00 – 18:00

Từ thứ 2 đến thứ 6: 08:00 – 18:00

5 & 6. 保險與合約 (Bảo hiểm & Hợp đồng)



校外實習保險

為確保學生權益，學生於執行校外實習課程期間，學校會協助學生投保“大專校院校外實習學生團體保險”或其他商業保險。

Để đảm bảo an toàn thực tập, trong thời gian học sinh thực tập ngoài trường, nhà trường sẽ hỗ trợ học sinh đăng kí bảo hiểm thực tập hoặc các loại bảo hiểm liên quan khác.



實習合約 & 計畫表

1. 簽署學校、學生、廠商的「三方合約」。
Sinh viên sẽ được kí hợp đồng 3 bên giữa nhà trường – sinh viên và công ty thực tập
2. 填寫「個人計畫表」。
Điền thông tin vào bản Kế hoạch thực tập của cá nhân.

7 & 8. 問題協助與實習報告



發生問題找誰協助?

先通知單位主管協助 通知輔導老師 (學校)

Trong quá trình thực tập nếu phát sinh vấn đề cần tìm ai giải quyết?

Cần thông báo cho chủ quản đơn vị Thông báo cho giáo viên phụ đạo để được hỗ trợ kịp thời.



實習報告

依照輔導老師的要求，在規定時間內繳交實習報告與實習成果。

Báo cáo thực tập:

Theo thời gian quy định của giáo viên phụ đạo thì cần hoàn thành báo cáo thực tập và kết quả thực tập đúng hạn.

9. 實習訪視 Giáo viên phụ đạo đến thăm

 在實習期間內輔導老師會事先安排到場，請學生先告知單位主管及配合方式作業。

Mỗi kì giáo viên phụ đạo sẽ đến thăm nơi thực tập, sinh viên cần thông báo trước cho chủ quản đơn vị và hợp tác.

 在實習期間內教育部也會安排抽查到場，請學生配合辦理。

Bộ giáo dục cũng sẽ bốc thăm ngẫu nhiên đến thăm hỏi và kiểm tra nơi thực tập của sinh viên, đề nghị các em hỗ trợ và hợp tác.

10. 請假 – 曠職 – 異常 Quy định nghỉ phép & Kỷ luật



請假 / 病假

請假應先經過主管單位同意後，告知輔導老師。病假須提供醫生證明留存備查。

Xin nghỉ / ốm: Cần thông báo cho chủ quản đơn vị đồng ý, sau đó thông báo cho giáo viên. Nghỉ ốm cần cung cấp giấy khám bệnh.



曠職

沒有經過主管單位同意自動曠職，依學校規定處理。

Nghỉ không phép: Không được sự đồng ý của chủ quản tự ý nghỉ, dựa theo quy định của trường để xử lý.



異常處理

若有問題請與主管溝通及請教老師。違反規定影響校譽依辦法處分，需要時至委員會說明。

Các vấn đề khác: Thông báo cho đơn vị & giáo viên hỗ trợ. Vi phạm ảnh hưởng trường sẽ bị xử lý hoặc họp ban thực tập giải trình.

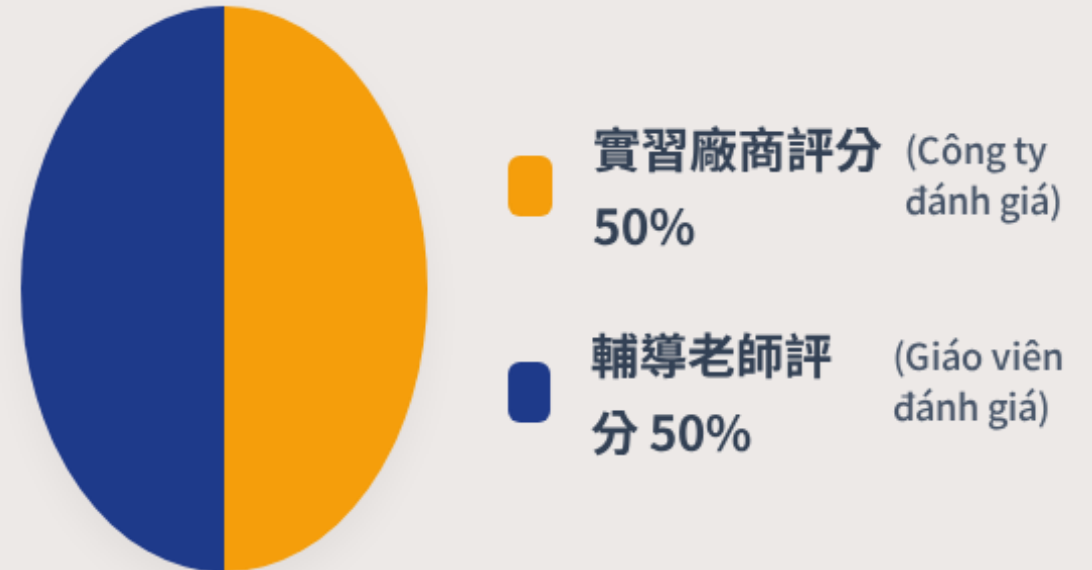
11. 實習津貼與成績評核標準

11. 實習津貼

為確保學生校外實習權益，廠商參照勞動基準法及其他法規規定給予學生實習津貼。

Phụ cấp thực tập: Để đảm bảo quyền lợi của sinh viên, công ty thực tập sẽ dựa theo luật lao động để trả tiền trợ cấp thực tập cho sinh viên.

12. 成績評核標準 (Điểm)



12-1. 工讀 LÀ M THÊ M



1. 時間 Thời gian làm thêm

除寒暑假外，一週不得超過 20 小時。

Ngoài kì nghỉ đông và hè, một tuần không được làm quá **20** tiếng.



2. 工作證 Giấy phép lao động

依規定申請核可之工作證後才能工讀。

Phải xin giấy phép lao động theo quy định mới được đi làm thêm.



3. 工讀合約 Hợp đồng làm thêm

工讀廠商要簽署工讀合約。

Công ty làm thêm phải ký hợp đồng lao động.

12-2.工讀 LÀ M THÊ M



4. 勞保 Bảo hiểm lao động

工讀廠商依規定投保勞保。

Công ty làm thêm phải đóng bảo hiểm lao động theo quy định.



5. 薪資 Lương

工讀廠商依照勞基法給予薪資。

Công ty làm thêm trả lương dựa theo luật lao động.



6. 通報學校 Thông báo cho trường

學生依規定填寫工讀調查表以便學校方便管理。

Sinh viên điền phiếu điều tra làm thêm theo quy định để nhà trường tiện quản lý.

校外實習安全說明 AN TOÀN THỰC TẬP

專業技術小心操作

執行專業技術應小心操作，如菜刀、爐具、重物、玻璃、燙傷、滑倒等。

Thực hiện an toàn các kỹ thuật chuyên môn, dao, bếp, kính, bỏng, trượt chân...

處理高溫食品時，請穿戴隔熱物品如手套後再碰觸。裝填湯液時需預防湯汁外溢，不要過滿。運送高溫食物時，小心謹慎勿發生碰撞。

Khi xử lý thực phẩm ở nhiệt độ cao, chú ý đeo các vật dụng cách nhiệt như găng tay. Khi đổ canh tránh đổ quá đầy. Khi vận chuyển thức ăn nóng tránh va chạm.



危害圖式-CNS 15030化學品分類及標示



爆炸 (炸彈)

Chất nổ



毒性 (骷髏頭)

Độc tính



易燃 (火焰)

Dễ cháy



腐蝕 (金屬/手)

Ăn mòn



警告 (驚嘆號)

Cảnh báo



健康危害 (人體)

Nguy hại sức khỏe

職場安全 AN TOÀN NƠI LÀM VIỆC

逃生路線淨空

工作場所之通道、出入口、樓梯、安全門、安全梯，**不得堆置物品，預防跌倒。**

Cấm xếp chồng các vật dụng tại các lối ra vào, cầu thang, cửa thoát hiểm để tránh té ngã.



預防性騷擾 (PHÒNG CHỐNG QUÁY RỐI TÌNH DỤC)

保持界線

任何人不得對他人性騷擾或是性侵害。減少不必要的身體接觸，不談個人私事。
Bất cứ ai cũng không được phép quấy rối hoặc tấn công tình dục. Hạn chế tiếp xúc cơ thể, không bàn chuyện cá nhân.

勇敢拒絕並通報

遇騷擾時，需用冷靜與嚴正的態度告訴對方：「你的動作侵犯到我，令人不舒服」、「我不喜歡，請拿開你的手」或「請說話尊重」，並應報告學校老師及主管。

Khi gặp quấy rối, cần bình tĩnh nghiêm túc nói:
"Hành động của bạn làm tôi khó chịu", "Tôi không thích, làm ơn bỏ tay ra", và cần thông báo với giáo viên & chủ quản.



Q & A

感謝聆聽，祝各位實習順利！

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe, chúc các bạn thực tập thuận lợi!

如有疑问，請洽：國際事務處 / 輔導老師